

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học,
trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2023-2024**

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy trình độ đại học

[illegible]

đ	Khối ngành V	41	1	5	14	21						
	Ngành CNTT	26	1	4	11	10	-	-	-	-	-	-
	Ngành Trí tuệ nhân tạo	8	-	-	3	5	-	-	-	-	-	-
	Ngành Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	14	-	1	4	9	-	-	-	-	-	-
	Ngành Kỹ thuật phần mềm	9	-	1	6	2	-	-	-	-	-	-
e	Khối ngành VI											
g	Khối ngành VII	50	2	3	15	30						
	Ngành NNA	17	-	1	4	12	-	-	-	-	-	-
	Ngành Du lịch	18	-	4	4	10	-	-	-	-	-	-
	Ngành Quản trị khách sạn	12	-	1	4	7	-	-	-	-	-	-
	Ngành ĐPH	11	1	1	4	5	-		-	-	-	-
	Ngành Truyền thông đa phương tiện	13	1	2	8	2	-	-	-	-	-	-
2	Giảng viên cơ hữu môn chung											

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1.	Khối ngành I					
2.	Khối ngành II					
3.	Huỳnh Thanh Trang	1987	Nữ		TS	Thiết kế đồ họa
4.	Trần Duy Hình	1946	Nam	PGS	TS	Thiết kế đồ họa

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
5.	Lê Nguyễn Hoàng Giang	1989	Nam		TS	Thiết kế đồ họa
6.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	1981	Nữ		ThS	Thiết kế đồ họa
7.	Hồ Thị Hoàng Mỹ	1982	Nữ		ThS	Thiết kế đồ họa
8.	Đào Thị Huệ	1990	Nữ		ThS	Thiết kế đồ họa
9.	Vũ Thị Lê	1979	Nữ		ThS	Thiết kế đồ họa
10.	Lê Thị Kiều Duyên	1982	Nữ		ThS	Thiết kế đồ họa
11.	Vũ Minh Ngọc	1973	Nam		TS	Thiết kế đồ họa
12.	Nguyễn Hữu Liêm	1955	Nam		TS	Thiết kế đồ họa
13.	Bùi Minh Trung	1958	Nam	GS	TS	Thiết kế đồ họa
14.	Lưu Đức Trung	1984	Nam		TS	Thiết kế đồ họa
15.	Hồ Thị Thùy Vân	1991	Nữ		ThS	Thiết kế đồ họa
16.	Khối ngành III					
17.	Đỗ Thị Thanh Vinh	1962	Nữ	PGS	TS	Quản trị kinh doanh
18.	Hồ Thị Diệu Thu	1971	Nữ		TS	Quản trị kinh doanh
19.	Văn Hữu Quang Nhật	1985	Nam		TS	Quản trị kinh doanh
20.	Lê Thị Kiều Anh	1988	Nữ		TS	Quản trị kinh doanh
21.	Phạm Văn Huynh	1963	Nam	PGS	TS	Quản trị kinh doanh
22.	Lê Hữu Bằng	1982	Nam		ThS	Quản trị kinh doanh
23.	Phạm Xuân Bình	1985	Nam		ThS	Quản trị kinh doanh
24.	Đặng Xuân Chính	1988	Nam		ThS	Quản trị kinh doanh
25.	Lương Thị Kim Duyên	1980	Nữ		ThS	Quản trị kinh doanh
26.	Phan Ngọc Hà	1976	Nam		TS	Quản trị kinh doanh
27.	Đặng Hoàng Thái Hiền	1994	Nữ		ThS	Quản trị kinh doanh
28.	Nguyễn Bá Hùng	1987	Nam		TS	Quản trị kinh doanh
29.	Đinh Văn Hương	1976	Nam		ThS	Quản trị kinh doanh
30.	Ngô Hường	1953	Nam	PGS	TS	Quản trị kinh doanh
31.	Phạm Quốc Lộc	1976	Nam		TS	Quản trị kinh doanh
32.	Nguyễn Dạ Thảo	1988	Nữ		ThS	Quản trị kinh doanh
33.	Phạm Thị Thanh Thủy	1981	Nữ	PGS	TS	Quản trị kinh doanh
34.	Nguyễn Thanh Toại	1953	Nam		TS	Quản trị kinh doanh
35.	Phạm Thị Vân	1988	Nữ		ThS	Quản trị kinh doanh
36.	Văn Hữu Quang Nhật	1985	Nam		TS	Marketing
37.	Lê Thị Kiều Anh	1988	Nữ		TS	Marketing
38.	Nguyễn Đức Thành	1977	Nam	PGS	TS	Marketing
39.	Đặng Xuân Chính	1988	Nam		ThS	Marketing
40.	Đoàn Thị Thu Hà	1987	Nữ		ThS	Marketing
41.	Quách Đình Hùng	1989	Nam		ThS	Marketing
42.	Dương Thị Thu Hương	1987	Nữ		TS	Marketing
43.	Phạm Thị Thanh Thủy	1981	Nữ	PGS	TS	Marketing
44.	Đinh Thị Thu Hà	1986	Nữ		TS	Tài chính - Ngân hàng
45.	Ngô Hường	1953	Nam	PGS	TS	Tài chính - Ngân hàng

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
46.	Nguyễn Bá Hùng	1987	Nam		TS	Tài chính - Ngân hàng
47.	Đặng Văn Khanh	1953	Nam		TS	Tài chính - Ngân hàng
48.	Lương Thị Kim Duyên	1980	Nữ		ThS	Tài chính - Ngân hàng
49.	Đào Thị Huệ	1990	Nữ		ThS	Tài chính - Ngân hàng
50.	Đinh Văn Hương	1976	Nam		ThS	Tài chính - Ngân hàng
51.	Nguyễn Trần Hoài Phương	1987	Nữ		ThS	Tài chính - Ngân hàng
52.	Mai Văn Tới	1982	Nam		ThS	Tài chính - Ngân hàng
53.	Lê Hữu Tuấn	1981	Nam		ThS	Tài chính - Ngân hàng
54.	Nguyễn Thanh Toại	1953	Nam		TS	Kế toán
55.	Đinh Thị Thu Hà	1986	Nữ		TS	Kế toán
56.	Nguyễn Đức Thành	1977	Nam	PGS	TS	Kế toán
57.	Huỳnh Thị Phương Anh	1986	Nữ		ThS	Kế toán
58.	Trần Tâm Anh	1991	Nữ		ThS	Kế toán
59.	Lê Hữu Bằng	1982	Nam		ThS	Kế toán
60.	Nguyễn Trần Hoài Phương	1987	Nữ		ThS	Kế toán
61.	Nguyễn Hữu Quy	1980	Nam		ThS	Kế toán
62.	Lê Phạm Minh Tuyền	1994	Nữ		ThS	Kế toán
63.	Đinh Thị Hải Yến	1986	Nữ		ThS	Kế toán
64.	Dương Thị Thu Hương	1987	Nữ		TS	Luật
65.	Trần Trí Dũng	1979	Nam		TS	Luật
66.	Lê Xuân Thân	1961	Nam		TS	Luật
67.	Đặng Văn Khanh	1953	Nam		TS	Luật
68.	Phan Ngọc Hà	1976	Nam		TS	Luật
69.	Nguyễn Thanh Mận	1959	Nam		TS	Luật
70.	Nguyễn Khắc Huy	1983	Nam		ThS	Luật
71.	Lê Thị Kiều Duyên	1982	Nữ		ThS	Luật
72.	Nguyễn Đăng Khoa	1979	Nam		ThS	Luật
73.	Nguyễn Hữu Liêm	1955	Nam		TS	Luật
74.	Lê Trung Nghĩa	1982	Nam		ThS	Luật
75.	Ngô Văn Tăng Phước	1974	Nam		ThS	Luật
76.	Nguyễn Thuận Tuyết Sương	1984	Nữ		ThS	Luật
77.	Nguyễn Trần Bảo Trinh	1991	Nữ		ThS	Luật
78.	Trần Công Trục	1943	Nam		TS	Luật
79.	Bùi Minh Trung	1958	Nam	GS	TS	Luật
80.	Cù Văn Trung	1989	Nam		TS	Luật

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
81.	Lê Anh Vân	1982	Nam		ThS	Luật
82.	Khối ngành IV					
83.	Khối ngành V					
84.	Lê Thị Kiều Anh	1988	Nữ		TS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
85.	Ngô Hương	1953	Nam	PGS	TS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
86.	Nguyễn Bá Hùng	1987	Nam		TS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
87.	Văn Hữu Quang Nhật	1985	Nam		TS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
88.	Hồ Thị Diệu Thu	1971	Nữ		TS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
89.	Ngô Hà Giang	1993	Nam		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
90.	Đặng Hoàng Thái Hiền	1994	Nữ		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
91.	Mai Thị Cẩm Huyền	1973	Nữ		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
92.	Đào Huy Nhật	1988	Nam		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
93.	Ngô Văn Tăng Phước	1974	Nam		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
94.	Nguyễn Dạ Thảo	1988	Nữ		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
95.	Lê Trung Tín	1979	Nam		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
96.	Phạm Thị Vân	1988	Nữ		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
97.	Đặng Trường Sơn	1966	Nam		TS	Công nghệ thông tin
98.	Lưu Đức Trung	1984	Nam		TS	Công nghệ thông tin
99.	Nguyễn Trùng Lập	1980	Nam		TS	Công nghệ thông tin
100.	Nguyễn Đức Thuần	1962	Nam		TS	Công nghệ thông tin
101.	Trần Duy Hình	1946	Nam	PGS	TS	Công nghệ thông tin
102.	Phạm Văn Huỳnh	1963	Nam	PGS	TS	Công nghệ thông tin
103.	Nguyễn Khắc Huy	1983	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
104.	Nguyễn Lê Kim Khánh	1991	Nữ		ThS	Công nghệ thông tin
105.	Nguyễn Thanh Mận	1959	Nam		TS	Công nghệ thông tin
106.	Lê Trung Nghĩa	1982	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
107.	Đào Huy Nhật	1988	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
108.	Nguyễn Hữu Quy	1980	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
109.	Nguyễn Đăng Bắc	1982	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
110.	Nguyễn Đức Thành	1977	Nam	PGS	TS	Công nghệ thông tin
111.	Lê Xuân Thân	1961	Nam		TS	Công nghệ thông tin

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
112	Hồ Thị Diệu Thu	1971	Nữ		TS	Công nghệ thông tin
113	Phạm Thị Thanh Thủy	1981	Nữ	PGS	TS	Công nghệ thông tin
114	Lê Trung Tín	1979	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
115	Nguyễn Đăng Huyền Trân	1992	Nữ		ThS	Công nghệ thông tin
116	Nguyễn Hữu Trọng	1955	Nam		TS	Công nghệ thông tin
117	Trần Công Trục	1943	Nam		TS	Công nghệ thông tin
118	Bùi Minh Trung	1958	Nam	GS	TS	Công nghệ thông tin
119	Cù Văn Trung	1989	Nam		TS	Công nghệ thông tin
120	Lê Hữu Tuấn	1981	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
121	Nguyễn Văn Tự	1980	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
122	Nguyễn Đức Thuận	1962	Nam		TS	Trí tuệ nhân tạo
123	Nguyễn Hữu Trọng	1955	Nam		TS	Trí tuệ nhân tạo
124	Nguyễn Trùng Lập	1980	Nam		TS	Trí tuệ nhân tạo
125	Nguyễn Đăng Bắc	1982	Nam		ThS	Trí tuệ nhân tạo
126	Phạm Xuân Bình	1985	Nam		ThS	Trí tuệ nhân tạo
127	Đoàn Thị Thu Hà	1987	Nữ		ThS	Trí tuệ nhân tạo
128	Nguyễn Trần Bảo Trinh	1991	Nữ		ThS	Trí tuệ nhân tạo
129	Nguyễn Văn Tự	1980	Nam		ThS	Trí tuệ nhân tạo
130	Lưu Đức Trung	1984	Nam		TS	Kỹ thuật phần mềm
131	Nguyễn Trùng Lập	1980	Nam		TS	Kỹ thuật phần mềm
132	Đặng Trường Sơn	1966	Nam		TS	Kỹ thuật phần mềm
133	Nguyễn Đức Thuận	1962	Nam		TS	Kỹ thuật phần mềm
134	Nguyễn Hữu Trọng	1955	Nam		TS	Kỹ thuật phần mềm
135	Phạm Xuân Bình	1985	Nam		ThS	Kỹ thuật phần mềm
136	Trần Trí Dũng	1979	Nam		TS	Kỹ thuật phần mềm
137	Phạm Văn Huỳnh	1963	Nam	PGS	TS	Kỹ thuật phần mềm
138	Lê Hữu Tuấn	1981	Nam		ThS	Kỹ thuật phần mềm
139	Khối ngành VI					
140	Khối ngành VII					
141	Lê Anh Thư	1986	Nữ		TS	Du lịch
142	Mai Thị Kiều Phương	1966	Nữ	PGS	TS	Du lịch
143	Đỗ Thị Mai Đoàn Thục	1984	Nữ		TS	Du lịch
144	Ngô Hà Giang	1993	Nam		ThS	Du lịch
145	Nguyễn Khắc Huy	1983	Nam		ThS	Du lịch
146	Phạm Văn Huỳnh	1963	Nam	PGS	TS	Du lịch
147	Lê Thị Lan Hương	1985	Nữ		ThS	Du lịch
148	Đặng Văn Khanh	1953	Nam		TS	Du lịch
149	Võ Trần Hải Linh	1989	Nam		ThS	Du lịch
150	Đinh Thị Nga	1990	Nữ		ThS	Du lịch
151	Phạm Thị Thanh Thủy	1981	Nam	PGS	TS	Du lịch
152	Trần Thị Phi Ánh	1987	Nữ		ThS	Du lịch
153	Nguyễn Quốc Tiến	1985	Nam		ThS	Du lịch
154	Trương Anh Tuấn	1978	Nam		TS	Du lịch
155	Hồ Thị Thùy Vân	1991	Nữ		ThS	Du lịch

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
156	Đỗ Thị Thanh Vinh	1962	Nữ	PGS	TS	Du lịch
157	Đỗ Thị Mai Đoan Thục	1984	Nữ		TS	Quản trị khách sạn
158	Lê Anh Thư	1986	Nữ		TS	Quản trị khách sạn
159	Hà Văn Sinh	1957	Nam		TS	Quản trị khách sạn
160	Mai Thị Kiều Phụng	1966	Nữ	PGS	TS	Quản trị khách sạn
161	Trần Thị Phi Ánh	1987	Nữ		ThS	Quản trị khách sạn
162	Lê Thị Lan Hương	1985	Nữ		ThS	Quản trị khách sạn
163	Võ Trần Hải Linh	1989	Nam		ThS	Quản trị khách sạn
164	Đinh Thị Nga	1990	Nữ		ThS	Quản trị khách sạn
165	Nguyễn Thị Quế Hương	1983	Nữ		TS	Quản trị khách sạn
166	Nguyễn Quốc Tiến	1985	Nam		ThS	Quản trị khách sạn
167	Nguyễn Đăng Huyền Trân	1992	Nữ		ThS	Quản trị khách sạn
168	Vũ Minh Ngọc	1973	Nam		TS	Ngôn ngữ Anh
169	Hà Văn Sinh	1957	Nam		TS	Ngôn ngữ Anh
170	Lê Nguyễn Hoàng Giang	1989	Nam		TS	Ngôn ngữ Anh
171	Phạm Quốc Lộc	1976	Nam		TS	Ngôn ngữ Anh
172	Ngô Hà Giang	1993	Nam		ThS	Ngôn ngữ Anh
173	Đoàn Thị Thu Hà	1987	Nữ		ThS	Ngôn ngữ Anh
174	Mai Thị Cẩm Huyền	1973	Nữ		ThS	Ngôn ngữ Anh
175	Phạm Văn Huynh	1963	Nam	PGS	TS	Ngôn ngữ Anh
176	Nguyễn Lê Kim Khánh	1991	Nữ		ThS	Ngôn ngữ Anh
177	Nguyễn Đăng Khoa	1979	Nam		ThS	Ngôn ngữ Anh
178	Nguyễn Đăng Bắc	1982	Nam		ThS	Ngôn ngữ Anh
179	Nguyễn Trần Hoài Phương	1987	Nữ		ThS	Ngôn ngữ Anh
180	Nguyễn Thuận Tuyết Sương	1984	Nữ		ThS	Ngôn ngữ Anh
181	Trương Anh Tuấn	1978	Nam		TS	Đông Phương học
182	Nguyễn Thị Quế Hương	1983	Nữ		TS	Đông Phương học
183	Mai Thị Kiều Phụng	1966	Nữ	PGS	TS	Đông Phương học
184	Nguyễn Thị Thu Hà	1988	Nữ		ThS	Đông Phương học
185	Quách Đình Hùng	1989	Nam		ThS	Đông Phương học
186	Vũ Thị Lê	1979	Nữ		ThS	Đông Phương học
187	Trần Hoài Nam	1982	Nam		ThS	Đông Phương học
188	Park Eui Rom	1980	Nam		ĐH	Đông Phương học
189	Bùi Minh Trung	1958	Nam	GS	TS	Đông Phương học
190	An Hei Won	1971	Nữ		ThS	Đông Phương học
191	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	1984	Nữ		TS	Truyền thông đa phương tiện
192	Trần Duy Hinh	1946	Nam	PGS	TS	Truyền thông đa phương tiện
193	Nguyễn Mạnh Hùng	1956	Nam		TS	Truyền thông đa phương tiện
194	Lê Nguyễn Hoàng Giang	1989	Nam		TS	Truyền thông đa phương tiện

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
195	Dương Thị Thu Hương	1987	Nữ		TS	Truyền thông đa phương tiện
196	Nguyễn Thị Quế Hương	1983	Nữ		TS	Truyền thông đa phương tiện
197	Phạm Quốc Lộc	1976	Nam		TS	Truyền thông đa phương tiện
198	Hà Văn Sinh	1957	Nam		TS	Truyền thông đa phương tiện
199	Bùi Minh Trung	1958	Nam	GS	TS	Truyền thông đa phương tiện
200	Lê Phạm Minh Tuyền	1994	Nữ		ThS	Truyền thông đa phương tiện
201	Nguyễn Văn Tự	1980	Nam		ThS	Truyền thông đa phương tiện
202	Đỗ Thị Thanh Vinh	1962	Nữ	PGS	TS	Truyền thông đa phương tiện

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/ giảng viên quy đổi

STT	Khối ngành	Tỷ lệ SV/GV cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	11,7
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	8,5
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	9,5

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
THÁI BÌNH DƯƠNG

* **Phạm Quốc Lộc**